

Bản án số: 941/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Danh Cư

2. Bà Nguyễn Thị Kính

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1975 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Thường trú: 3053 Đường P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 1889/13 Đường P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (*vắng mặt*)

Thường trú: 3053 Đường P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Phương T trình bày:**

Bà Đỗ Thị Phương T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 08, quyển số I/2000 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2000. Bà T và ông T chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Đỗ Đức T (nam), sinh ngày 13/8/2001 và Nguyễn Đỗ Đức C (nam), sinh ngày 16/12/2003. Cuộc sống

gia đình không hạnh phúc, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông T không chăm lo cho vợ con, thường hay uống rượu rồi về nhà quậy phá và đã nhiều lần đánh đập bà T. Bà T và ông T đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Đỗ Đức T và Nguyễn Đỗ Đức C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Phương T khai hai bên không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho ông Nguyễn Văn T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T không đến làm việc và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông T. Ngày 07/6/2022, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là bà Đỗ Thị Phương T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

**\* Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Phương T, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án

thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Phương T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không có sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Ông T không chăm lo cho vợ con, thường hay uống rượu rồi về nhà quậy phá và đã nhiều lần đánh đập bà T. Bà T và ông T đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T.

Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Xét thấy, hai người con chung tên Nguyễn Đỗ Đức T (nam), sinh ngày 13/8/2001 và Nguyễn Đỗ Đức C (nam), sinh ngày 16/12/2003 đều đã thành niên, có quyền tự quyết định theo cha hay mẹ là tùy ý. Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Phương T.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Đỗ Đức T (nam), sinh ngày 13/8/2001 và Nguyễn Đỗ Đức C (nam), sinh ngày 16/12/2003 đều đã thành niên, có quyền tự quyết định theo cha hay mẹ là tùy ý nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đỗ Thị Phương T khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn T không có mặt để trình bày ý kiến nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Đỗ Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0046295 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Đỗ Thị Phương T và ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 8;
- TAND Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường A, Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**



